

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ TỔ CHỨC THỨC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Bùi Ngọc Thu Hà¹,

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Trần Thanh Sơn

Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Đông Bắc Bộ

Tóm tắt:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt không chỉ trên trường quốc tế mà còn ở trong nước, nhiều nơi trên thế giới đã xác định đổi mới sáng tạo (ĐMST) là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của địa phương. Đặc biệt, việc khuyến khích, hỗ trợ ĐMST ở cấp địa phương trở thành chiến lược trọng yếu để tận dụng tối đa tiềm năng ĐMST đặc thù của từng khu vực. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc này, một số khu vực tại Châu Âu đã triển khai những mô hình tổ chức khác nhau nhằm thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động ĐMST đặc thù tại địa phương. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng một tổ chức hỗ trợ đa dạng, linh hoạt và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, cũng như việc thúc đẩy sự hợp tác liên ngành để tối ưu hóa tiềm năng ĐMST tại mỗi vùng. Bài viết nghiên cứu một số tổ chức điển hình tại ba khu vực khác nhau trên thế giới, với mục tiêu rút ra bài học cho Việt Nam.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo; Hệ thống đổi mới sáng tạo; Tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Mã số: 24052001

REGIONAL INNOVATION SUPPORTING AGENCIES: INTERNATIONAL EXPERIENCE AND LESSONS FOR VIETNAM

Summary:

In the context of globalization and increasingly fierce economic competition, not only internationally but also domestically, many places around the world have identified innovation as the key to sustainable local development. Particularly, encouraging and supporting innovation at the local level has become a critical strategy to maximize the unique innovative potential of each region. Recognizing the importance of this, some areas in Europe have implemented various organizational models aimed at promoting and creating a favorable environment for unique local innovation activities. The study emphasizes the importance of building a diverse, flexible, and locally tailored support organization, as well as the necessity of promoting cross-sectoral collaboration to optimize the innovative potential in each region. This article investigates several exemplary organizations in three different regions of the world, to draw lessons for Vietnam.

Keywords: Science and technology; Innovation; Regional innovation system; Supporting innovation agencies.

¹ Liên hệ tác giả: buingocthuha26@gmail.com

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh kinh tế quốc tế ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia trên thế giới đã coi ĐMST là động lực quan trọng không chỉ thúc đẩy sự phát triển bền vững cấp độ vĩ mô mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh ở cấp độ vi mô. ĐMST cấp địa phương không chỉ giúp địa phương phát triển mạnh mẽ mà còn tạo ra sức sống mới, khuyến khích sự đa dạng hóa kinh tế và cải thiện đời sống xã hội, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Đặc biệt, việc khuyến khích và hỗ trợ ĐMST ở cấp địa phương đã được nhiều nơi coi là chiến lược trọng yếu để tận dụng tối đa tiềm năng sáng tạo đặc thù của từng khu vực. Nhiều nơi trên thế giới đã nhận thức rõ tầm quan trọng của khoa học, công nghệ và ĐMST và đã triển khai những mô hình tổ chức nhằm thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động này tại địa phương.

Trong đó, hệ thống ĐMST cấp địa phương (Regional Innovation System - RIS) đóng vai trò là khung phân tích cho quá trình ĐMST trên thực tiễn của các địa phương. Khung phân tích nhấn mạnh rằng, mỗi địa phương lại có bối cảnh, đặc điểm và năng lực đổi mới khác nhau nên không thể áp dụng đồng nhất một mô hình và chính sách ĐMST địa phương phổ quát (Tödtling & Trippel, 2005). Do đó, để xây dựng một mô hình thúc đẩy ĐMST tại địa phương cần xem xét sự phù hợp với các đặc điểm và bối cảnh đặc thù của từng khu vực (Barca, McCann, & Rodriguez-Pose, 2012). Bài viết là kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận về các cơ chế, thể chế làm nền tảng cho việc xây dựng mô hình thúc đẩy ĐMST tại địa phương và xem xét một số mô hình tổ chức quốc tế nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Bài viết nghiên cứu khung lý thuyết và một số trường hợp thực tế về đặc điểm và hoạt động của các tổ chức thúc đẩy ĐMST nằm ở ba vùng khác nhau. Các tổ chức được chọn là:

- (1) Brainport Development ở vùng Brainport của Hà Lan. Đây là một khu vực dẫn đầu về đổi mới và phát triển công nghệ, nổi tiếng với hệ sinh thái ĐMST tiên tiến, mạnh mẽ và có sự hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, chính phủ và các viện nghiên cứu. Việc lựa chọn Brainport Development đại diện cho một mô hình thành công trong việc thúc đẩy ĐMST, nhằm cung cấp các bài học về cách tối ưu hóa các nguồn lực để tạo ra một môi trường phát triển công nghệ cao;
- (2) Innobasque ở Xứ Basque của Tây Ban Nha. Đây là một vùng đang phát triển với tiềm năng lớn về ĐMST, tuy nhiên, vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế và xã hội. Việc chọn Innobasque nhằm phân tích cách mà một khu vực đang trong quá trình chuyển mình có thể sử dụng ĐMST để cải thiện năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nó cũng cung cấp cái nhìn về các chiến lược phù hợp với bối cảnh địa phương;
- (3) Cơ quan Công nghệ và Đổi mới Khu vực (ARTI) tại Apulia, Italia. Đây là một khu vực kém phát triển hơn về mặt ĐMST so với hai khu vực trên. Cơ quan Công nghệ và Đổi mới Khu vực (ARTI) tại Apulia được chọn để nghiên cứu cách mà một khu vực với nền tảng kinh tế yếu hơn có thể sử dụng ĐMST như một công cụ để cải thiện tình hình. Việc lựa chọn ARTI cho thấy sự quan tâm đến việc hiểu rõ những thách thức và cơ hội khi thúc đẩy ĐMST trong những điều kiện kinh tế ít thuận lợi hơn.

Việc lựa chọn ba tổ chức này giúp bài báo có cái nhìn toàn diện và so sánh về các chiến lược thúc đẩy ĐMST ở các vùng với những mức độ phát triển khác nhau. Điều này không chỉ giúp hiểu rõ hơn về cách các cơ quan thúc đẩy ĐMST hoạt động trong những bối cảnh khác nhau mà còn cung cấp thông tin quan trọng để áp dụng các bài học kinh nghiệm vào các vùng có điều kiện tương tự. Bài viết nghiên cứu những ưu, nhược điểm của các tổ chức này trong việc xây dựng và thực hiện hiệu quả các hoạt động thúc đẩy ĐMST địa phương. Bài học được rút ra là: Nếu được đặt trong bối cảnh thể chế phù hợp, các cơ quan ĐMST địa phương có thể thúc đẩy các hoạt động ĐMST và hỗ trợ sửa chữa các khiếm khuyết của RIS.

2. Khung lý thuyết về việc hình thành mô hình tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo cấp địa phương

Khái niệm Hệ thống ĐMST cấp địa phương (RIS) là một công cụ phân tích nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố địa lý trong việc tìm hiểu quá trình tạo ra kiến thức và sự khác biệt trong kết quả đổi mới giữa các khu vực. RIS rất khác nhau giữa và trong các quốc gia, khiến các địa phương trở thành trọng tâm đặc biệt hấp dẫn để nghiên cứu các hệ thống đổi mới (*Braczyk, Cooke và Heidenreich, 1998*). Theo Doloreux và Parto (2005), RIS bao gồm một mạng lưới các tổ chức công và tư, các thể chế chính thức và các tổ chức hoạt động trong các khuôn khổ có lợi cho việc tạo ra, sử dụng và truyền bá kiến thức.

Các nghiên cứu về RIS mô tả quá trình ĐMST là phi tuyến tính, bao gồm các cơ chế phản hồi phức tạp và các mối quan hệ tương tác giữa khoa học, công nghệ, học tập, sản xuất, chính sách và nhu cầu thị trường. Quá trình này phát triển thông qua sự tương tác liên tục giữa các tổ chức khác nhau nhằm chia sẻ và phát triển các loại kiến thức và nguồn lực. Những tương tác này rất quan trọng vì chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và tích lũy kiến thức, vốn là động lực chính của đổi mới công nghệ (*Asheim và Isaksen, 2002*).

Các nghiên cứu về RIS tập trung vào việc đưa ra các khuyến nghị chính sách cụ thể cho từng địa phương dựa trên bối cảnh và đặc điểm RIS tại địa phương đó (*OECD, 2011*). Các can thiệp của nhà nước đối với RIS thường hướng đến một trong hai mục tiêu. Mục tiêu thứ nhất là tăng cường tương tác giữa các bên trong hệ thống, từ đó nâng cao hiệu quả đổi mới. Mục tiêu thứ hai là sửa chữa các thất bại của thị trường và hệ thống khiến địa phương bị đóng khung trong một lộ trình công nghệ lạc hậu (*Tödtling và Trippl, 2005*).

Để đạt được những mục tiêu trên, một số khu vực trên thế giới đã hình thành các cơ quan thúc đẩy ĐMST, các cơ quan này mang tên gọi khác nhau nhưng được hiểu chung là các cơ quan ĐMST địa phương (Regional Innovation Agency - RIA). Các cơ quan này hoạt động như một tổ chức trung gian trong RIS, được định nghĩa là “một tổ chức đóng vai trò trung gian hoặc môi giới trong quá trình đổi mới giữa các bên liên quan” (*Howells, 2006*). Theo nghiên cứu của OECD (2011), RIA là các tổ chức đáp ứng bốn tiêu chí sau:

- (1) Sứ mệnh: một tổ chức trung gian hoặc môi giới giữa các bên, ứng phó với những thất bại của thị trường hoặc hệ thống;

- (2) Phạm vi địa lý ở cấp dưới quốc gia: Sứ mệnh của tổ chức nhắm đến một khu vực cụ thể, được xác định theo ranh giới hành chính;
- (3) Tính lâu dài: Các tổ chức này không phải là dự án mà là các đơn vị có thời gian tồn tại lâu dài;
- (4) Thúc đẩy đổi mới trên phạm vi rộng: Hỗ trợ các hoạt động đổi mới trong khu vực là một trong những mục tiêu, hoặc mục tiêu duy nhất của tổ chức. Sứ mệnh bao gồm nhiều khía cạnh đổi mới, không chỉ một công cụ hay nhóm mục tiêu duy nhất.

Có thể thấy, mặc dù các RIA có sự khác biệt đáng kể về quy mô, cơ cấu và cách thức hoạt động, chúng đều chia sẻ một sứ mệnh chung là hỗ trợ các hoạt động ĐMST và kết nối hợp tác giữa các bên trong RIS, qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển kinh tế của địa phương thông qua ĐMST. Nghiên cứu về các RIA trên thế giới không chỉ cung cấp những hiểu biết sâu sắc về cách thức hoạt động của chúng mà còn mang lại những bài học quý giá để áp dụng vào việc thúc đẩy ĐMST tại các địa phương ở Việt Nam, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

3. Một số mô hình tổ chức thúc đẩy đổi mới sáng tạo cấp địa phương trên thế giới

3.1. Cơ quan Công nghệ và Đổi mới Khu vực (ARTI) tại Apulia, Italia

3.1.1. Bối cảnh vùng Apulia, Italia

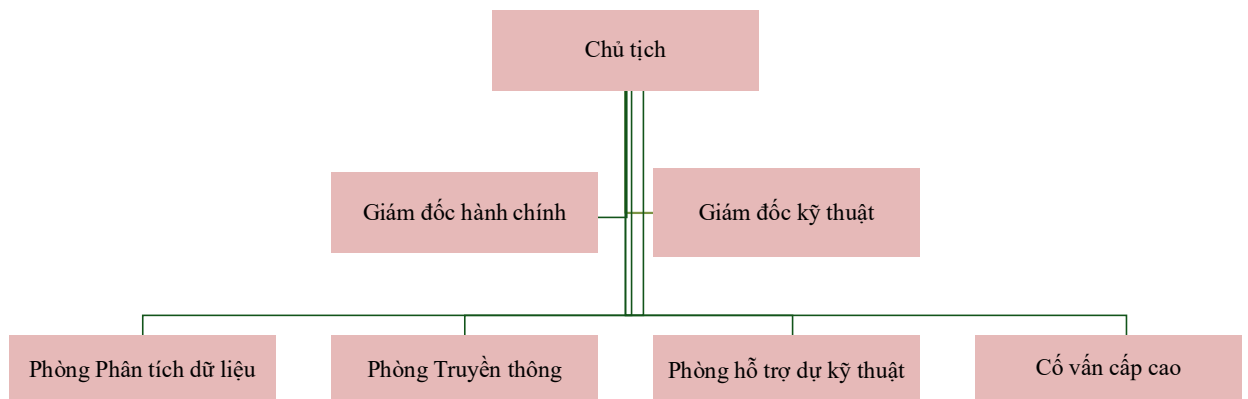
Vào đầu những năm 2000, Apulia là một khu vực có mức độ phát triển kinh tế ở mức trung bình, được phản ánh qua các chỉ số kinh tế và đặc trưng bởi một số yếu tố nổi bật trong cấu trúc kinh tế, bao gồm rất nhiều doanh nghiệp nhỏ và một số doanh nghiệp vừa; sự chuyên môn hóa trong các ngành nghề truyền thống không cao; sự góp mặt của một số tập đoàn đa quốc gia cùng với mức độ hội nhập quốc tế thấp. Các yếu điểm của hệ thống đổi mới tại Apulia có thể được khái quát như sau: (i) chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (R&D) thấp; (ii) kết quả hoạt động đổi mới kém; (iii) số lượng doanh nghiệp đổi mới và sáng tạo ít; (iv) thiếu nguồn vốn tài chính cho ĐMST; (v) sự hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp còn hạn chế (mặc dù có xu hướng tăng); (vi) chảy máu chất xám; và (vii) hạn chế trong các lĩnh vực công nghệ cao (*Fiore và cộng sự, 2011*).

3.1.2. Cơ quan Công nghệ và Đổi mới Khu vực (ARTI)

Đứng vững trên thị trường quốc tế, các vùng ở châu Âu có trình độ phát triển ở mức trung bình như Apulia đã áp dụng một mô hình phát triển mới, tập trung vào việc đổi mới các ngành sản xuất truyền thống và mở rộng vào các lĩnh vực công nghệ cao bằng cách tận dụng và tối ưu hóa các tài nguyên và khả năng sẵn có. Nhằm khuyến khích sự tương tác giữa nhu cầu và nguồn cung đổi mới, bao quát hơn là việc thiết lập và tăng cường hệ thống đổi mới ở cấp độ địa phương, Cơ quan Công nghệ và Đổi mới Khu vực Apulia (the Regional Agency for Technology and Innovation - ARTI), một tổ chức được chính quyền địa phương sáng lập, đóng vai

trò quan trọng trong việc hỗ trợ Apulia chuyển đổi sang mô hình phát triển mới. Cụ thể, ARTI hỗ trợ chính quyền địa phương trong việc thiết kế, quản lý và áp dụng các chính sách phát triển kinh tế, đổi mới, giáo dục, đào tạo và việc làm. ARTI được thành lập vào năm 2004 và bắt đầu hoạt động hiệu quả từ mùa thu năm 2005.

* Cơ cấu tổ chức của ARTI



Nguồn: <https://www.arti.puglia.it/>

Biểu đồ 1. Cơ cấu tổ chức của ARTI

ARTI có một cấu trúc nhỏ gọn và ít tầng bậc. Cấu trúc này bao gồm một chủ tịch, người chịu trách nhiệm chính, có nhiệm vụ lập kế hoạch và định hướng chính sách của Cơ quan (được một giám đốc hành chính hỗ trợ về mặt quản lý) và một đội ngũ nhân viên nội bộ gồm 14 người có trình độ cao. Ngoài văn phòng hành chính và thư ký, đội ngũ nhân viên được chia thành ba phòng: (1) Phòng Phân tích và Dự án, bao gồm một chuyên gia kinh tế cao cấp và ba chuyên gia kinh tế tập trung nhiều vào phân tích kinh tế và quản lý dự án; (2) Phòng Truyền thông, gồm 4 biên tập viên, chuyên trách về hoạt động truyền bá; và (3) Phòng hỗ trợ các dự án khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ cấp bằng sáng chế. Ngoài đội ngũ nhân viên nội bộ, Cơ quan còn có một mạng lưới các cố vấn cấp cao làm việc theo dự án.

Cấu trúc tổ chức này cho phép Cơ quan: (i) giảm chi phí và trên hết, cải thiện chất lượng hoạt động dựa trên nguồn nhân lực tinh chế và có chất lượng cao; (ii) có sự linh hoạt cao trong quản lý; và (iii) có khả năng phản ứng nhanh chóng với nhu cầu mới.

Các chính sách do ARTI triển khai nhằm thúc đẩy hoạt động của hệ thống đổi mới địa phương và giải quyết các thất bại của thị trường trong việc phát huy toàn bộ tiềm năng phát triển. Dựa trên các điểm yếu của hệ thống đổi mới ở Apulia được nêu trong phần trước, mục tiêu của các chính sách này là:

(1) Nâng cao năng lực cần thiết để kích thích quá trình tích lũy kiến thức và hỗ trợ hình thành các cụm công nghệ

Nhiều nghiên cứu thực tế đã chỉ ra sự quan trọng của việc hình thành cụm công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế của các vùng và vai trò của chính sách công trong việc tạo môi trường thuận lợi cho tương tác và hợp tác giữa các doanh nghiệp

và với các tổ chức nghiên cứu qua các mạng lưới, từ đó tăng cường khả năng ĐMST của hệ thống.

ARTI đã thiết lập một cụm công nghệ cao bao gồm các công ty đa quốc gia phát triển và các doanh nghiệp ĐMST địa phương với tên gọi Khu Cơ điện tử *Apulian Mechatronics District* vào nửa đầu năm 2007. Khu vực này được hỗ trợ bởi sự tham gia của các công ty đa quốc gia như Bosch, Getrag và Fiat, tọa lạc gần Bari - thủ phủ của Apulia. Đây cũng là một phần của 25 cụm công nghệ ở Italia. Cụm công nghệ được ra đời với mục tiêu chính là tổng hợp, học tập và phát triển các kỹ năng khoa học và công nghiệp hàng đầu của khu vực, từ đó thu hút đầu tư mới vào nghiên cứu, phát triển và sản xuất trong ngành cơ điện tử để nâng cao khả năng cạnh tranh của cụm. ARTI đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích hợp tác giữa các bên liên quan, lập kế hoạch dài hạn và thúc đẩy sự tương tác giữa cung và cầu đổi mới, nhất là qua các dự án có tính khả thi cao. Ngoài ra, ARTI còn phát triển Chương trình Khu Công nghệ Italia, được Chính phủ cùng với chính quyền địa phương đồng hành thực hiện, thể hiện mối quan hệ tương hỗ và sự kết nối chặt chẽ giữa các chính sách đổi mới ở cấp quốc gia và địa phương.

(2) Cải thiện hoạt động của hệ thống đổi mới địa phương (khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu qua việc cấp bằng sáng chế) và mở cửa cho sự tham gia của các bên mới qua các chính sách khuyến khích thành lập công ty con và doanh nghiệp đổi mới.

Các chương trình hỗ trợ cho các cụm ngành ở cấp quốc gia và khu vực đang được áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia thuộc tổ chức OECD. Chương trình VINNVA²² XT được quản lý bởi VINNOVA, cơ quan chuyên trách về hệ thống đổi mới ở Thụy Điển, là một ví dụ điển hình cho thấy mô hình hợp tác triple helix bao gồm khu vực công, tư và nghiên cứu/học thuật, nhằm mục tiêu hợp nhất hệ thống đổi mới địa phương (OECD, 2007). Chương trình này tạo điều kiện cho việc chia sẻ kiến thức và nguồn lực giữa ngành công nghiệp và giáo dục, khuyến khích việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn thị trường. Trong khuôn khổ của ARTI, hoạt động này được tiến hành qua mạng lưới “Văn phòng Liên lạc Công nghiệp” (ILO), với các dự án bao gồm hỗ trợ mở rộng quốc tế cho các bằng sáng chế từ các trường đại học ở Apulia, thúc đẩy sự thành lập và hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp mới.

ARTI đã tiến hành việc hỗ trợ tài chính cho việc đăng ký bằng sáng chế. Đây là một biện pháp hỗ trợ tài chính quan trọng nhằm khắc phục khó khăn về năng lực cụ thể là việc thiếu vốn và kỹ năng quản lý trong việc định giá kết quả nghiên cứu cho mục đích thương mại tại các tổ chức học thuật ở Apulia. Kết quả cho thấy sự chuyển biến rõ rệt: Chỉ trong một năm, 28 bằng sáng chế từ các trường đại học đã nhận được sự hỗ trợ tài chính, chủ yếu trong lĩnh vực công nghệ sinh học và 05 trong số đó thuộc lĩnh vực hóa học và vật liệu. Đáng chú ý, có nhiều trường hợp sở hữu chung bằng sáng chế giữa các trường đại học. Như vậy, biện pháp này đã đóng góp vào việc tăng số lượng đăng ký bằng sáng chế quốc tế từ các trường đại học ở Apulia.

Ngoài ra, ARTI đã hỗ trợ việc thành lập và tăng cường năng lực cho các công ty khởi nguồn mới, nhằm mục đích nâng cao giá trị của các kết quả nghiên cứu. Phiếu hỗ trợ, một hình thức hỗ trợ tài chính, đã được cung cấp cho việc sử dụng các dịch

vụ thiết yếu trong quá trình khởi động và phát triển các doanh nghiệp mới. Nhờ vào sự hỗ trợ này, 11 công ty khởi nghiệp mới đã được thành lập từ các trường đại học, và 7 công ty khởi nghiệp đã có trước đó cũng được hưởng lợi từ sự hỗ trợ tài chính này. Trong số các công ty này, lĩnh vực công nghệ, các lĩnh vực sinh học và hóa học lại một lần nữa chiếm ưu thế, tương tự như với trường hợp của các bằng sáng chế. Sự phát triển gần đây về tổng số các công ty khởi nghiệp tại Apulia đã chỉ ra rằng, sự hỗ trợ tài chính chắc chắn là một công cụ hỗ trợ quan trọng đối với việc tạo ra các công ty này.

(3) Khuyến khích sự hợp tác giữa các đối tác chính, bao gồm: doanh nghiệp, trường đại học và nhân lực trình độ cao.

Đứng trước mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh của RIS, việc tăng cường sức mạnh và sự hợp tác giữa các bên liên quan và khuyến khích các bên mới tham gia vào quá trình ĐMST trở nên thiết yếu. Sáng kiến “Dự án Nghiên cứu Chiến lược” của ARTI đại diện cho một phương pháp tiếp cận độc đáo nhằm mục đích thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ giữa các trường đại học và doanh nghiệp, qua đó xây dựng một mạng lưới liên kết mạnh mẽ và bền vững. Mục tiêu chính của dự án là đóng góp vào sự phát triển của khu vực thông qua việc thực hiện nghiên cứu chiến lược cạnh tranh, nghiên cứu về ngành công nghiệp và các sáng kiến đào tạo. Các cơ quan quản lý khu vực đã cung cấp tài trợ cho các dự án nghiên cứu do các trường đại học đề xuất, hợp tác với doanh nghiệp, dựa trên năng lực nghiên cứu mạnh mẽ và tiếp cận liên ngành. Năm 2006, ARTI đã tiến hành đánh giá sơ bộ đối với từng dự án nghiên cứu và sau quá trình đánh giá, đã chọn lựa 53 dự án. Tầm ảnh hưởng của những dự án này đối với việc xây dựng mạng lưới hợp tác giữa doanh nghiệp và các trung tâm nghiên cứu là đặc biệt đáng chú ý.

Cuối cùng, một trong những sáng kiến độc đáo nhất do ARTI triển khai là “Mạng lưới nhân tài”, đánh dấu một bước tiến đáng kể trong việc đối phó với vấn đề chảy máu chất xám thông qua việc áp dụng một mạng lưới nguồn nhân lực làm việc từ xa hiệu quả. Dựa trên sáng kiến này, các hoạt động dự kiến bao gồm: (i) việc thiết lập và duy trì một cơ sở dữ liệu cập nhật liên tục về các nhân tài của Apulia (bao gồm các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, học giả và nhà quản lý) đang sống và làm việc ngoài khu vực; (ii) khuyến khích và tạo điều kiện cho việc trao đổi kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng giữa các chuyên gia di cư và khu vực gốc của họ; và (iii) khuyến khích sự tham gia của các thành viên mạng lưới vào tất cả các sáng kiến khác của ARTI.

Mục tiêu chính của dự án “Mạng lưới Nhân tài” là tăng cường kết nối nguồn nhân lực chất lượng cao sinh ra ở Apulia nhưng đang làm việc ở xa. Nguồn nhân lực này phục vụ nhu cầu kết nối, truyền đạt kiến thức và thông tin cho địa phương và thúc đẩy hợp tác nghiên cứu quốc tế. Đến nay, sáng kiến này đã thu được những thành tựu đáng kể. Tính đến tháng 6 năm 2009, mạng lưới bao gồm 470 cá nhân người Apulia trong các ngành nghiên cứu, quản lý, và văn hoá. Gần 70% trong số họ đang làm việc tại các khu vực khác của Italia, còn 115 người đang ở nước ngoài.

Tóm lại, có thể thấy ARTI đã đóng góp vào sự thay đổi của hệ thống ĐMST địa phương như sau: (i) tăng cường sự hợp tác giữa các bên tham gia vào ĐMST khu

vực (thông qua “Dự án Nghiên cứu Chiến lược” và thúc đẩy phát triển các cụm); (ii) thúc đẩy việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu đại học thông qua bằng sáng chế và phiếu hỗ trợ cho các công ty khởi nguồn; (iii) khuyến khích khai thác tri thức hơn bằng cách kích thích mối quan hệ đối tác giữa những người tạo ra kiến thức và những người khai thác kiến thức, mở rộng sự đổi mới ra ngoài các công ty lớn và (iv) lan tỏa một nền văn hóa ĐMST khu vực bằng cách quảng bá kiến thức RIS thông qua nhiều ấn phẩm, cuộc họp và bản tin.

Tuy nhiên, hoạt động của ARTI cũng có những hạn chế. Trước hết, ARTI rơi vào “vùng xám” không rõ ràng trong thể chế, nó không phải là một cơ quan quản lý nhà nước mặc dù thuộc sự quản lý của chính quyền địa phương. Kết quả là, sự tham gia của ARTI vào việc xác định chính sách cho ĐMST địa phương còn yếu, mặc dù vai trò của cơ quan này trong việc xây dựng chiến lược phát triển ĐMST và thực thi chính sách là rất lớn.

Hơn nữa, ARTI không chịu trách nhiệm về các hoạt động đánh giá đo lường tác động của chính sách ĐMST khu vực. Đánh giá là một công cụ cần thiết để tối ưu hóa chính sách ĐMST, đồng thời xác định điểm yếu và điểm mạnh trong quá trình thiết kế chương trình, hiệu quả trong việc thực thi chính sách, các tác động phụ mong muốn và không mong muốn của các can thiệp nhà nước đã được thực hiện. Các kết quả đánh giá được sử dụng để điều chỉnh và/hoặc cải thiện bộ ưu tiên và biện pháp được đề ra trong khuôn khổ chiến lược khu vực Apulia cho ĐMST.

3.2. Cơ quan đổi mới sáng tạo xứ Basque Innobasque, Tây Ban Nha

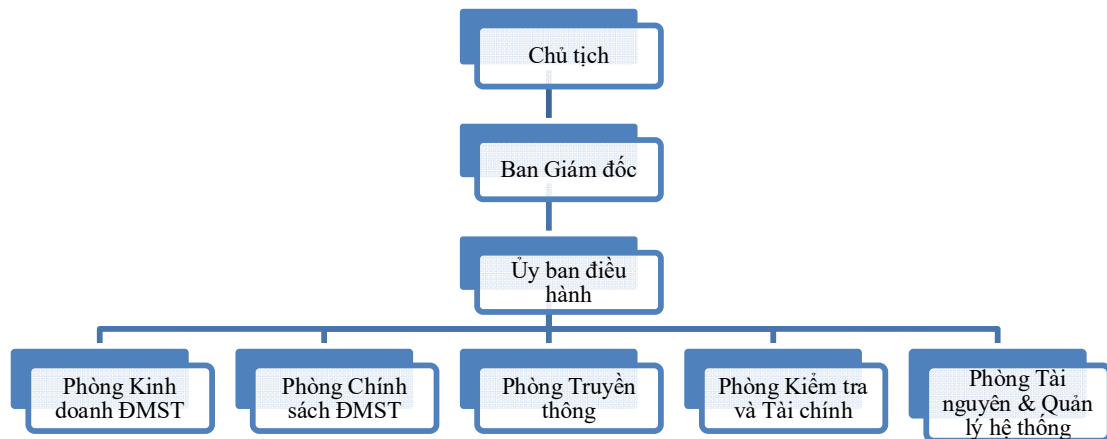
3.2.1. Bối cảnh Xứ Basque, Tây Ban Nha

Xứ Basque, nằm ở phía đông bắc Tây Ban Nha, có diện tích 7.234 km² và bao gồm ba tỉnh: Araba, Bizkaia và Gipuzkoa. Tính đến năm 2016, khu vực có dân số 2.175.819, trong đó Bilbao là khu vực đô thị lớn nhất, có 857.016 cư dân theo báo cáo năm 2018 của Eustat. Xứ Basque chuyên về các lĩnh vực như công nghiệp sắt thép, đóng tàu và sản xuất máy móc. Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978 và Đạo luật Chuyển giao quyền lực năm 1979 sau đó đã trao cho Xứ Basque quyền tự chủ, dẫn đến việc thành lập chính quyền khu vực đầu tiên vào năm 1980, phần lớn bao gồm các thành viên từ khu vực tư nhân. Đến năm 2016, Xứ Basque là khu vực giàu có thứ hai ở Tây Ban Nha với GDP bình quân đầu người là 32.621 Euro, cao hơn nhiều so với mức trung bình quốc gia là 23.970 Euro. Tuy nhiên, thời gian gần đây khu vực này đã chứng kiến sự suy giảm về các chỉ số ĐMST, như đầu tư cho R&D và số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế kể từ năm 2012 (Eustat, 2018).

3.2.2. Đặc điểm của Innobasque - Cơ quan ĐMST Xứ Basque

Innobasque, Cơ quan ĐMST xứ Basque, là một tổ chức phi lợi nhuận tư nhân được thành lập năm 2007 để điều phối và thúc đẩy đổi mới ở xứ Basque trong mọi lĩnh vực cũng như khuyến khích tinh thần kinh doanh và sự sáng tạo. Innobasque là một tổ chức tập hợp các thành viên từ mạng lưới khoa học, công nghệ và ĐMST, các doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức công, đại diện hiệp hội của công nhân và doanh nhân, cũng như các tổ chức khác liên quan đến đổi mới.

Tầm nhìn của tổ chức là biến xứ Basque thành một khu vực tiêu chuẩn về ĐMST của châu Âu. Vì mục đích này, một chương trình chuyển đổi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đầy tham vọng đã được thiết lập. Innobasque xác định các ưu tiên, tạo dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức công và tư, đồng thời thúc đẩy nhu cầu ĐMST cần thiết trong các doanh nghiệp và xã hội.



Nguồn: <https://www.innobasque.eus/eu>

Biểu đồ 2. Cơ cấu tổ chức của Innobasque

Sơ đồ tổ chức của Innobasque, *Cơ quan ĐMST xứ Basque*, nêu bật cấu trúc nhóm linh hoạt và đa ngành nhằm đạt được sự chuyển đổi kinh tế - xã hội ở xứ Basque. Cơ quan này được lãnh đạo bởi Chủ tịch đồng thời là Thống đốc của vùng. Ban Giám đốc với vai trò cơ bản trong việc xác định và giám sát chiến lược của tổ chức, đồng thời, đưa ra định hướng và đường lối chung cho các hoạt động của tổ chức. Ban Giám đốc bao gồm một nhóm gồm 60 thành viên cấp cao nhất, là những nhà lãnh đạo có tiếng nói và đa dạng đại diện cho liên minh công-tư của tổ chức. Tiếp theo, Ủy ban Điều hành có nhiệm vụ triển khai toàn bộ hoạt động, đảm bảo về đạo đức, chất lượng và đưa ra các quyết định kịp thời. Ủy ban gồm 16 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Thủ quỹ và 5 Phó Chủ tịch phụ trách các lĩnh vực chiến lược đổi mới (hành chính, kinh doanh, khoa học, công nghệ và xã hội), cũng như 09 người có liên quan trong các lĩnh vực hành động ưu tiên. Thư ký Hội đồng quản trị là thư ký của Ủy ban này. Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban điều hành là các bộ phận chủ chốt như Phòng Kinh doanh ĐMST, Phòng Chính sách ĐMST, Phòng Truyền thông, Phòng Kiểm tra và Tài chính, Phòng Tài nguyên và Quản lý hệ thống. Mỗi phòng ban đều được dẫn dắt bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm nhằm thúc đẩy sự đổi mới trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ở xứ Basque, các chính sách đổi mới được xây dựng thông qua sự cộng tác của nhiều bên liên quan ở nhiều cấp quản lý khác nhau, bao gồm các đơn vị chủ chốt trong đó có Innobasque. Innobasque đóng vai trò trung gian trong hệ thống ĐMST cấp địa phương, với nhiệm vụ chính là thúc đẩy sự tương tác giữa viện/trường - doanh nghiệp và nhà nước để xác định và giải quyết những điểm yếu trong hệ sinh thái ĐMST của xứ Basque. Innobasque đóng vai trò không thể thiếu trong việc định

hình các chính sách ĐMST tại địa phương và giải quyết những điểm yếu mang tính hệ thống.

Mặc dù là hình mẫu về những thực tiễn tốt nhất về đổi mới, bằng chứng là được xếp hạng hàng đầu ở Tây Ban Nha và Nam Âu trên Bảng điểm Đổi mới Khu vực châu Âu, nhưng xứ Basque đã chứng kiến sự sụt giảm trong các số liệu đổi mới khác nhau kể từ năm 2012. Hệ thống đổi mới của khu vực, được mô tả là dày đặc về mặt tổ chức, gặp phải tình trạng phân cấp tổ chức chòng chẹo mà không có sự tái cơ cấu đáng kể, dẫn đến các vấn đề về phối hợp và kết quả đổi mới dưới mức tối ưu. Sự chòng chẹo về vai trò của tổ chức làm tăng thêm sự phức tạp và thường dẫn đến nhầm lẫn về các chức năng và ranh giới riêng biệt của từng thực thể trong RIS (OECD, 2011b).

3.3. Brainport Development tại Brainport, Hà Lan

3.3.1. Bối cảnh vùng Brainport, Hà Lan

Vùng Brainport, bao gồm 21 đô thị xung quanh thành phố Eindhoven ở Bắc Brabant, Hà Lan, có dân số 756.615 người và GDP bình quân đầu người là 49.297€ vào năm 2016, so với số liệu quốc gia là 16.979.120 dân và GDP bình quân đầu người là 41.258€. Nổi tiếng là một trung tâm công nghệ quan trọng cả ở Hà Lan và trên toàn cầu, khu vực này đã có được 7.222 bằng sáng chế từ năm 2011 đến năm 2015, xếp thứ 18 trên toàn thế giới, đứng sau Chicago và trước Thượng Hải. Đáng chú ý, công ty Philips Electronics chiếm tới 84,9% số bằng sáng chế này. Quỹ đạo kinh tế của thành phố Eindhoven chịu sự chi phối chủ yếu từ Công ty Philips, Công ty không chỉ là nhà tuyển dụng lớn nhất mà còn tạo điều kiện cho việc thành lập các công ty lớn khác như ASML. Vào những năm 1990, khu vực phải vật lộn với khủng hoảng sau khi Philips tái tổ chức và nhà sản xuất xe tải DAF phá sản. Trong giai đoạn này, Thành phố Eindhoven, dưới sự lãnh đạo của Thị trưởng Rein Welschen, Đại học Công nghệ Eindhoven, các công ty công nghiệp và phòng thương mại đã hợp tác sâu rộng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực và củng cố các lĩnh vực công nghiệp và ĐMST của thành phố. Sự hợp tác này, được mô tả như mô hình xoắn ba, đã thúc đẩy sự phát triển của Brainport Development, một cơ quan khu vực chuyên về ĐMST và xúc tiến đầu tư (Bergquist et al., 2017).

3.3.2. Đặc điểm của Brainport Development

Được thành lập vào năm 2005, Brainport Development bắt nguồn từ sự hợp tác ba bên giữa chính quyền địa phương, các tập đoàn lớn, cũng như các tổ chức nghiên cứu và đào tạo bao gồm Đại học Công nghệ Eindhoven. Brainport Development là đầu tàu cho các sáng kiến đổi mới và đầu tư, nhằm duy trì khu vực Brainport như một trung tâm công nghệ hàng đầu toàn cầu. Năm 2018, Brainport Development hoạt động với ngân sách 8.117.000€, được tài trợ đồng đều bởi 21 thành phố tự trị trong khu vực và sự kết hợp giữa chính quyền quốc gia và tỉnh, các công ty tư nhân, EU và doanh thu của chính tổ chức đó (Brainport, 2018).

Brainport Development sử dụng mô hình chia sẻ tài nguyên toàn diện để hỗ trợ và thực hiện chiến lược đổi mới của mình trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Mô hình này tạo điều kiện cho việc tổng hợp các khoản đóng góp tài chính và phái cử nhân viên từ

các tổ chức thành viên tham gia vào hoạt động của Brainport, nhằm tăng cường khả năng hợp tác thực hiện các chiến lược khu vực của các thành viên hội đồng quản trị.

Tổ chức đóng một vai trò quan trọng trong việc lôi kéo các bên liên quan khác, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vào việc thực hiện chiến lược đổi mới thông qua phát triển dự án và sự tham gia của các bên liên quan. Điều này bao gồm việc xác định các cơ hội chiến lược, phát triển ý tưởng dự án và thu thập thông tin đầu vào từ các doanh nghiệp địa phương, chỉ khởi động các dự án khi có sự quan tâm đáng kể của doanh nghiệp địa phương.

Ngoài ra, Brainport Development được giao nhiệm vụ xây dựng và thực thi các chính sách vi mô thông qua các lĩnh vực hoạt động như: nhân lực, kinh doanh, hợp tác quốc tế, công nghệ và khoa học cơ bản. Lĩnh vực “nhân lực” tập trung vào việc tăng cường nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu kỹ năng ngày càng tăng, giải quyết sự chênh lệch về lao động ngày càng tăng do tiến bộ công nghệ nhanh chóng, thúc đẩy học tập suốt đời và khuyến khích giáo dục STEM. Lĩnh vực “kinh doanh” hỗ trợ các công ty khởi nghiệp và doanh nghiệp vừa và nhỏ trong khu vực, giúp họ vượt xa mức tăng trưởng trong nước và quốc tế bằng cách cung cấp nguồn vốn, phương pháp và cơ hội kết nối. Lĩnh vực “Hợp tác quốc tế” nhắm đến việc thu hút các công ty và nhân tài toàn cầu. Lĩnh vực “công nghệ” thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, giám sát các công nghệ và tìm ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp địa phương. Lĩnh vực “Khoa học cơ bản” tìm kiếm và thúc đẩy sự hỗ trợ của Chính phủ và Liên minh châu Âu đối với cơ sở hạ tầng của địa phương.

Sự hình thành của Brainport Development, được đánh dấu bằng sự hợp tác giữa các nhà lãnh đạo địa phương, nhằm ứng phó với các cuộc khủng hoảng cơ cấu và trẻ hóa sự đổi mới trong khu vực. Thông qua các sáng kiến đa dạng, tổ chức này đã cố gắng đa dạng hóa cơ sở công nghệ, tăng cường sức hấp dẫn quốc tế và hỗ trợ các dự án kinh doanh mới. Brainport Development duy trì liên lạc với người dân và giám sát các hoạt động của mình thông qua nhiều kênh khác nhau, bao gồm trang web và báo cáo hàng năm. Những báo cáo này, nêu bật cả kết quả định tính và định lượng, rất quan trọng để theo dõi tiến độ thực hiện kinh tế vĩ mô và những thành tựu cụ thể của dự án. Các thành viên hội đồng và các bên liên quan điều phối các hoạt động khu vực và thúc đẩy lợi ích ở cấp quốc gia và châu Âu, vai trò là đại sứ cho khu vực ngày càng rõ ràng hơn.

Có một số khoảng trống tiềm ẩn trong cách tiếp cận của Brainport Development, bao gồm các chức năng chồng chéo với các tổ chức công khác về phát triển khu vực, nhu cầu đánh giá có hệ thống hơn và thiếu sáng kiến để xây dựng năng lực thể chế. Để giải quyết những vấn đề này có thể đòi hỏi sự tham gia sâu hơn với xã hội dân sự và có thể áp dụng mô hình xoắn ốc bốn cực bao gồm viện trường, doanh nghiệp, nhà nước và xã hội để thực hiện chính sách ĐMST.

4. Đề xuất bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Dựa trên các nghiên cứu trường hợp điển hình đã nêu có thể thấy các cơ quan ĐMST ở cấp địa phương áp dụng những cách tiếp cận khác nhau khi giải quyết các vấn đề tại các vùng có mức độ phát triển kinh tế, cũng như năng lực đổi mới, nên tăng cường

ngành, hoặc bối cảnh thể chế khác nhau. Những cơ quan này ra đời với mục tiêu đối phó với các cuộc khủng hoảng kinh tế mang tính cấu trúc, như trường hợp của Brainport Development, hoặc để tăng cường năng lực đổi mới công nghệ trong khu vực, như ARTI và Innobasque. Các khu vực này thường có đặc điểm chung là sở hữu các ngành công nghiệp chuyên biệt, vốn xã hội lớn và sự hiện diện của nhiều chủ thể đổi mới cùng các tổ chức hỗ trợ. Trong quá trình hình thành các tổ chức này, sự hợp tác giữa khu vực công và tư đóng vai trò then chốt, với khu vực tư nhân đóng vai trò đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp trong việc thiết kế và xác định sứ mệnh của các cơ quan này. Ví dụ, mặc dù ARTI là một tổ chức công nhưng các thành viên sáng lập chủ yếu đến từ khu vực tư nhân. Trong khi đó, Brainport Development và Innobasque được cấu trúc như các tổ chức phi lợi nhuận theo các nguyên tắc quản lý công mới, nhằm tăng cường quyền tự chủ và giảm thiểu sự can thiệp chính trị.

Các cơ quan ĐMST địa phương đã xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm củng cố hệ thống ĐMST tại địa phương, tập trung vào việc xác định và giải quyết các điểm yếu thông qua sự hợp tác giữa khu vực tư nhân, khu vực công, các viện nghiên cứu, trường học và xã hội dân sự. Mục tiêu của các cơ quan này không chỉ là nâng cao năng lực khoa học và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp mà còn thúc đẩy đổi mới về thể chế và tổ chức. Những hoạt động này bao gồm thúc đẩy giáo dục STEM, khuyến khích sự tham gia của công dân trong quá trình xây dựng và đánh giá chính sách, cũng như đẩy mạnh cách tiếp cận kinh doanh và nghiên cứu và phát triển (R&D) trong khu vực tư nhân.

Các cơ quan ĐMST cần có một cơ cấu tổ chức nhỏ gọn và linh hoạt để có thể phản ứng nhanh với sự thay đổi liên tục của công nghệ và thị trường. Cấu trúc này giúp các cơ quan dễ dàng điều chỉnh chiến lược và quy trình hoạt động, thực hiện các dự án thí điểm để đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kịp thời, từ đó khai thác hiệu quả các cơ hội đổi mới. Hơn nữa, một cấu trúc nhỏ gọn và ít tầng bậc sẽ giúp tăng tốc độ ra quyết định và triển khai dự án, tối ưu hóa nguồn lực và giảm chi phí hoạt động. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ hợp tác với đối tác trong và ngoài nước, tận dụng nguồn lực tài chính và kỹ thuật từ bên ngoài để hỗ trợ và thúc đẩy các dự án ĐMST. Để xây dựng một cấu trúc tổ chức như vậy mà vẫn đảm bảo hiệu quả công việc, các cơ quan ĐMST cần phải có một đội ngũ nhân sự chất lượng cao, có kinh nghiệm làm việc với cả khu vực tư nhân và nhà nước. Đồng thời, việc thiết lập các quan hệ đối tác chiến lược trong nước và quốc tế là rất cần thiết để đảm bảo khả năng tiếp cận các nguồn lực, chuyên môn kỹ thuật và hỗ trợ tài chính. Quan hệ đối tác với các cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế và khu vực tư nhân khác giúp nâng cao năng lực và mở rộng phạm vi hoạt động của các cơ quan này.

Mặc dù tất cả các tổ chức ĐMST địa phương đều hướng đến mục tiêu thúc đẩy ĐMST nhưng các sáng kiến và chương trình cụ thể mà họ triển khai lại khác nhau. Điều này chứng tỏ rằng không có một phương thức duy nhất để tối ưu hóa ĐMST tại mỗi địa phương, mà cần phải dựa trên đặc điểm cụ thể và điểm yếu của từng hệ thống ĐMST địa phương để đưa ra các giải pháp phù hợp. Ví dụ, Brainport Development tập trung vào việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân

lực, trong khi Innobasque chuyên tâm vào việc xây dựng các phương pháp thực hành tốt nhất ở cả cấp độ doanh nghiệp và cộng đồng. ARTI chú trọng kết nối các chủ thể địa phương và cung cấp hỗ trợ tài chính, bảo vệ sở hữu trí tuệ, cũng như thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao toàn cầu để giải quyết những điểm yếu cụ thể trong hệ thống ĐMST của họ. Nhìn chung, các tổ chức này đã giúp các chủ thể trong khu vực tiếp thu, học hỏi và sử dụng kiến thức từ bên ngoài khu vực của mình.

Ở Việt Nam, các tổ chức hỗ trợ ĐMST hiện nay vẫn chưa được định nghĩa rõ ràng trong các văn bản pháp luật, dẫn đến việc chúng thường bị đánh đồng với các tổ chức trung gian trong thị trường KH&CN. Điều này tạo ra sự mơ hồ và khó khăn trong việc quản lý, nghiên cứu, và đánh giá các hoạt động của các tổ chức này. Theo Báo cáo Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, các tổ chức trung gian hỗ trợ bao gồm các tổ chức tài chính (các ngân hàng, quỹ, công ty đầu tư mạo hiểm) trực tiếp cho các hoạt động ĐMST; các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian cho ĐMST như: các cơ quan về SHTT, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và kiểm định, các khu công nghệ cao, các cơ sở ươm tạo, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm hỗ trợ ĐMST, khởi nghiệp ĐMST, môi giới, sàn giao dịch công nghệ,... Tuy vậy, các hoạt động của các tổ chức này còn phát triển chưa đồng đều, những chức năng như liên kết, xây dựng mạng lưới chưa thật sự phát triển (Trần Ngọc Ca, 2023). Do đó, để xây dựng một tổ chức hỗ trợ ĐMST tại địa phương hiệu quả, giải quyết được các thiếu sót hệ thống, hỗ trợ toàn diện cho tất cả các khía cạnh của ĐMST thì Việt Nam cần xem xét các bài học sau đây:

Thứ nhất, cần xác định một định hướng tổng thể cho hoạt động của tổ chức, định hướng cân hài hòa giữa lợi ích của khu vực công và tư.

Thứ hai, cấp độ hoạt động tối ưu là ở quy mô tỉnh/thành phố vì việc phối hợp giữa nhiều cấp độ có thể dẫn đến sự phức tạp về mặt thể chế.

Thứ ba, tổ chức ĐMST nên thu hút sự tham gia của các bên liên quan từ khu vực tư nhân, khu vực công, viện trường và xã hội dân sự nhằm đem lại cái nhìn khách quan và toàn diện về hệ thống ĐMST tại địa phương.

Thứ tư, các tổ chức thúc đẩy ĐMST tại địa phương nên liên tục giám sát, đánh giá hệ thống đổi mới tại khu vực của mình và những hệ thống thành công trên toàn cầu, để xác định và giải quyết những thiếu sót của địa phương, đồng thời tạo điều kiện phát triển các năng lực ĐMST cần thiết thông qua các chương trình có mục tiêu rõ ràng.

Thứ năm, các tổ chức thúc đẩy ĐMST cần thường xuyên nghiên cứu và đánh giá mối quan hệ giữa doanh nghiệp - viện trường - nhà nước, từ đó đưa ra các ưu tiên chiến lược và xây dựng các chương trình hỗ trợ cần thiết.

Thứ sáu, các tổ chức nên hướng tới một cấu trúc nhỏ gọn, ít tầng bậc với đội ngũ nhân viên giàu năng lực nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động và linh hoạt hơn với các thay đổi của hệ thống.

5. Kết luận

Bài viết cung cấp cái nhìn sâu sắc về vai trò và hoạt động của các tổ chức ĐMST cấp địa phương trong việc thúc đẩy hoạt động ĐMST tại các khu vực khác nhau trên

thế giới. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động ĐMST thông qua các tổ chức điều phối địa phương, nhằm khai thác tối đa tiềm năng sáng tạo đặc thù của từng khu vực. Đặc biệt, các mô hình từ Apulia, Brainport, và xứ Basque cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận và ứng dụng chính sách ĐMST, từ việc hỗ trợ tài chính cho đến khuyến khích hợp tác giữa các bên liên quan. Bài học rút ra cho Việt Nam là cần có sự linh hoạt trong thiết kế các chương trình và chính sách ĐMST, đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng để tối ưu hóa hiệu quả của hệ thống ĐMST địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2020). *Báo cáo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2019*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, tr.43
2. Trần Ngọc Ca (2023). *Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam: Hiện trạng, định hướng, mô hình và chính sách phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 216
3. Asheim, B. T., & Isaksen, A. (2002). "Regional innovation systems: The Integration of local 'sticky' and global 'ubiquitous' knowledge". *Journal of Technology Transfer*, 27(1), 77-86
4. Barca, F., McCann, P., & Rodríguez-Pose, A. (2012). "The case for regional development intervention: Placebased versus place-neutral approaches". *Journal of Regional Science*, 52(1)
5. Braczyk, H. J., Cooke, P. N., & Heidenreich, M. (1998). *Regional Innovation Systems: The Role of Governances in a Globalized World*. London: UCL Press
6. Brainport. (2018). *Jaarplan 2018 Brainport Development*. Eindhoven: Brainport Development
7. Bergquist, K., Fink, C., & Raffo, J. (2017). "Identifying and Ranking the World's Largest Clusters of Inventive Activity", *WIPO Economic Research Paper* No. 37. Geneva: WIPO
8. CBS (2018). "Population growth by birth, death and migration, per sex and region". Nguồn <https://opendata.cbs.nl/statline/portal.html?_la=en&_catalog=CBS>
9. Doloreux, D., & Parto, S. (2005). "Regional innovation systems: Current discourse and unresolved issues". *Technology in Society*, 27(2), 133-153.
10. Eustat. (2018). "Banco de Datos". Nguồn: <http://es.eustat.eus/banku/tipo_N/id_2391/indexArbol.html>.
11. Fiore A., et al. (2011). "Regional Innovation Systems: Which Role for Public Policies and Innovation Agencies? Some Insights from the Experience of an Italian Region". *European Planning Studies*, 19:8, 1399-1422
12. Howells, J. (2006). "Intermediation and the role of intermediaries in innovation". *Research Policy*, 35(5), 715-728
13. Lundvall, B. Å. (1992). *National Systems of Innovation: Towards a Theory of Innovation and Interactive Learning*. London: Pinter.
14. OECD (2011a). "Regions and Innovation Policy", *OECD Reviews of Regional Innovation*, OECD Publishing, Paris, <<https://doi.org/10.1787/9789264097803-en>>.
15. OECD (2011b). *OECD Reviews of Regional Innovation: Basque Country, Spain 2011*, OECD Reviews of Regional Innovation, OECD Publishing, Paris, <<https://doi.org/10.1787/9789264097377-en>>
16. Tödting, F., & Trippel, M. (2005). "One size fits all?: Towards a differentiated regional innovation policy approach", *Research Policy*, 34(8), 1203-1219.